

Bản án số: **140/HNGĐ-ST**

Ngày 10/9/2024

V/v: *Tranh chấp về ly hôn và giao nuôi con.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỖ HỢP – TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quán Vi Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Lê Vinh Hương.

2. Ông Vi Văn Hậu.

Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Vi Ngọc Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 89/2024/TLST – HNGĐ ngày 8 tháng 7 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo ” theo quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024 ngày 30 tháng 8 năm 2024 quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Vi Thị T**, sinh năm 1984.

Trú tại: Xóm T, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Vi Văn C**, sinh năm 1984.

Trú tại: Xóm T, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An

(Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2024 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vi Văn C đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 03 năm 2012 tại UBND xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống. Vợ chồng đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân chị T và anh C không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau. Nay chị T nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vi Văn C.

Về con chung: Giữa chị và anh C có 1 con chung họ tên là Vi Văn T1, sinh ngày 20/05/2013. Nếu ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Vi Văn C vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo hoãn phiên họp, hòa giải nhưng bị đơn anh C vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Kết quả xác minh tại Công an xã C, huyện Q: Trong phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, anh Vi Văn C hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q: Chị Vi Thị T2 anh Vi Văn C có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào ngày ngày 26 tháng 03 năm 2012, đăng ký kết hôn giữa hai bên là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị Vi Thị T và Vi Văn C phát sinh mâu thuẫn cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thông qua hoà giải tại cơ sở. Hiện tại, chị Vi Thị T và Vi Văn C đã sống ly thân. Chị T và anh C có 1 con chung họ tên là Vi Văn T1, sinh ngày 20/05/2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị T làm đơn xin ly hôn với anh Vi Văn C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chấp hành đúng quy định, vắng mặt tại các buổi làm việc. Nguyên đơn chị Vi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó cần xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên cần xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28; 35; 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vi Thị T được ly hôn với anh Vi Văn C.

Về con chung: Giao con chung là Vi Văn T1, sinh ngày 20/05/2013 cho chị Vi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 9/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Vi Văn C. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Vi Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp: Chị Vi Thị T có đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn đối với anh Vi Văn C và có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Vi Văn C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm T, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

[1.3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Vi Văn C nhưng anh C đều vắng mặt, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Vi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Vi Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Vi Văn C đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 03 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, các bên không tìm được giải pháp khắc phục mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng báo anh C đến để hòa giải tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ, nhưng anh C đều vắng mặt. Chị T xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân với anh C nên vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin được ly hôn với anh Vi Văn C. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải để quay trở lại chung sống, đoàn tụ với nhau. Do đó, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Vi Thị T được ly hôn với anh Vi Văn C.

[3] Về con chung: Qua xác minh tại địa phương, xem xét hoàn cảnh, môi trường sống và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con và ý kiến của chị T, anh C và cháu T1 xét thấy cần giao con chung là Vi Văn T1, sinh ngày 20/05/2013 cho chị Vi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 9/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Vi Văn C. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vi Thị T và có ý kiến không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vi Thị Thanh chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Các Điều 28, 35; 39; 147; khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vi Thị T được ly hôn anh Vi Văn C.

2. Về con chung: Buộc anh Vi Văn C giao con chung là Vi Văn T1, sinh ngày 20/05/2013 cho chị Vi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 9 năm 2024 trở đi, cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Vi Văn C.

Anh Vi Văn C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Vi Thị Thanh chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Vi Thị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006183 ngày 08/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- UBND xã Châu Thái, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Quán Vi Tuấn